

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị A, sinh năm 1994. Nơi thường trú: Số X, tổ Y, ấp Z, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tạm trú: Số X, tổ Y, ấp Z, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Phú T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số X, tổ Y, ấp Z, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lương Thị A trình bày:*

Bà Lương Thị A và ông Lê Phú T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện B, tỉnh Bình Dương vào năm 2016. Sau khi kết hôn thì bà A, ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn,

tình cảm hạnh phúc gia đình không có, ông T không có công việc ổn định, không phụ giúp bà A về kinh tế trong gia đình, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Khoảng tháng 9 năm 2018 thì bà A phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà A đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn, cùng nhau lo gia đình con cái. Ông T hứa sẽ thay đổi nhưng được một thời gian thì ông T lại tiếp tục ngoại tình, không chăm lo gia đình con cái. Bà A, ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Bà A đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn liên tiếp xảy ra mâu thuẫn. Nhận thấy, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lương Thị A yêu cầu ly hôn với ông Lê Phú T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phú Anh K, sinh ngày 21-10-2016. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khôi

Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu ông Lê Phú T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Phú T được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông T có nơi cư trú tại xã Tân H, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà A theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Phú T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà A và ông T chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương ngày 08-4-2016 nên hôn nhân của bà A và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T không có công việc ổn định, không phụ giúp gia đình, một mình bà A phải chăm sóc nuôi dưỡng con, ngoài ra ông T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà A đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn liên tiếp xảy ra mâu thuẫn. Bà A, ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà A. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà A và ông T là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phú Anh K, sinh ngày 21-10-2016. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khôi. Xét thấy, bà A hiện có công việc thu nhập ổn định, cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ nên yêu cầu về con chung của bà A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị A đối với bị đơn ông Lê Phú T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Lương Thị A được ly hôn với ông Lê Phú T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Phú Anh K, sinh ngày 21-10-2016 cho bà Lương Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2.** Về án phí: Bà Lương Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009019 ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Dương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Anh Duy**

